

Số: 75/BC-UBND

Sơn Tây Thượng, ngày 28 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả Kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng

Thực hiện Công văn số 1854/UBND-NNMT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả Kiểm kê đất đai năm 2024.

UBND xã Sơn Tây Thượng báo cáo kết quả thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn như sau:

I. Về Căn cứ cơ sở pháp lý để áp dụng thực hiện Kiểm kê đất đai

- Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và Văn bản hợp nhất số 37/VBHN-BNNMT ngày 11/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/5/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 3947/BNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 116/UBND-NNMT ngày 08/7/2025 của UBND tỉnh về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 1579/UBND-NNMT ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh về nhiệm vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 485/SNNMT-QLĐĐ ngày 16/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 773/SNNMT-VPĐKĐ ngày 23/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 2236/SNNMT-VPĐKĐ ngày 22/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc hoàn thiện sản phẩm kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. Về kết quả thực hiện Kiểm kê

1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Xã Sơn Tây Thượng là một xã miền núi, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, nằm về phía Tây của trung tâm hành chính tỉnh Quảng Ngãi, có tổng diện tích tự nhiên là 12.240,49 ha. Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Tây Trà và thành phố Đà Nẵng.
- Phía Nam giáp: xã Sơn Tây.
- Phía Đông giáp: xã Sơn Tây, xã Sơn Hà và xã Tây Trà.
- Phía Tây giáp: xã Măng Bút và thành phố Đà Nẵng.

1.1.2. Địa hình

Địa hình xã Sơn Tây Thượng khá phức tạp, đồi núi cao dốc, hiểm trở, bị chia cắt bởi nhiều sông suối. Nhìn chung, địa hình thấp dần từ Tây sang Đông.

1.1.3. Khí hậu

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng Duyên Hải Miền Trung, thuộc vùng có lượng mưa lớn của Tỉnh Quảng Ngãi, có hai mùa mưa và mùa khô khá rõ rệt.

Khí hậu xã Sơn Tây Thượng có biên độ nhiệt dao động khá lớn giữa ngày và đêm vào các tháng trong năm. So với nhiệt độ vùng đồng bằng có những khác biệt đó là: nền nhiệt độ trung bình thấp hơn nhưng giá trị cực đại cao hơn và cực tiểu thấp hơn; lượng mưa cao hơn vùng đồng bằng, chịu tác động của lượng bức xạ nhiệt từ các dãy núi tạo nên nền nhiệt ẩm cao là môi trường thuận lợi cho các bệnh nhiệt đới phát triển mạnh như sốt rét, sốt xuất huyết...

1.1.4. Thủy văn

Nhìn chung, mật độ sông suối trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng khá dày đặc. Các sông suối có đặc điểm chung là ngắn, dốc, chảy trên vùng đồi núi cao nên khả năng khai thác nguồn nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp là rất khó khăn.

Tuy nhiên, nhờ các đặc điểm trên có thể khai thác và xây dựng các thủy điện vừa và nhỏ phục vụ dân sinh.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Tài nguyên đất xã Sơn Tây Thượng có 3 nhóm đất chính:

*** Nhóm đất phù sa:**

- Đất phù sa không được bồi, chua;
- Đất phù sa ngòi suối;
- Đất phù sa có tầng loang lổ.

*** Nhóm đất đỏ vàng:**

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét;
- Đất đỏ màu vàng trên đá macma axit.

*** Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi**

b. Tài nguyên nước

* **Nguồn nước mặt:** nhờ có lượng mưa lớn, nhiều sông suối, thảm thực vật che phủ còn chiếm tỷ lệ cao nên nguồn nước mặt ở Sơn Tây Thượng khá phong phú. Tuy nhiên do lượng mưa tập trung trong khoảng 3-4 tháng, địa hình dốc nên thường gây ra các dòng chảy lũ về mùa mưa nhưng về mùa khô thì dòng chảy kiệt.

* **Nguồn nước ngầm:** do nguồn nước mặt khá phong phú, khai thác cho nhu cầu sinh hoạt khá thuận lợi nên việc khai thác nguồn nước ngầm ở xã Sơn Tây Thượng ít được quan tâm.

c. Tài nguyên rừng

Mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, có độ ẩm cao, bức xạ nhiệt đầy đủ là điều kiện thuận lợi để các cây nhiệt đới phát triển thành nhiều kiểu rừng có ưu thế rõ rệt. Tuy nhiên, thảm thực vật bị tàn phá mạnh đã làm mất đi tính tự nhiên của thảm thực vật nhiệt đới nhiều tầng, nhiều loại cây quý bị giảm đáng kể về số lượng lẫn chất lượng.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nhìn chung địa bàn xã Sơn Tây Thượng tài nguyên khoáng sản không nhiều, chủ yếu là đá Granít dùng cho xây dựng, nằm rải rác trên địa bàn xã.

1.1.6. Đặc điểm môi trường

a. Không khí: Nhìn chung không khí trên địa bàn xã còn khá tốt, một số nơi hoạt động giao thông vận tải: chủ yếu là gây ô nhiễm bụi và một số ít khí thải sản sinh do các phương tiện giao thông (xe máy, xe cơ giới) tham gia giao thông trên các trục đường.

b. Nguồn nước: Vẫn còn ở mức độ ô nhiễm nhẹ. Nguyên nhân là do còn diện tích đất trống đồi trọc, vùng đất dốc thuộc lưu vực các sông. Phần lớn các sông đều có hiện tượng tăng lưu tốc và lưu lượng dòng chảy, nước đục, tỷ lệ cát, phù sa bồi lắng cao, đặc biệt là vào mùa mưa.

c. Môi trường đất

Trong những năm gần đây, hóa chất bảo vệ thực vật được sử dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp, gia tăng cả về khối lượng và đa dạng về chủng loại. Hóa chất bảo vệ thực vật thường sử dụng như thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt chuột và kích thích sinh trưởng. Trong đó, nhiều nhất vẫn là nhóm hợp chất lân hữu cơ, clo hữu cơ thuộc nhóm độc hại. Việc sử dụng liều lượng chưa đúng cộng với quy trình sử dụng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, việc bảo quản, quản lý cũng như xử lý thuốc, bao bì còn tùy tiện đã có ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe cộng đồng và môi trường sống, đặc biệt là môi trường đất và nước.

Bên cạnh đó, diện tích rừng tự nhiên ngày càng có xu hướng bị thu hẹp, trong khi đó diện tích đất xây dựng, giao thông và thủy lợi, khu dân cư ngày càng tăng. Sự thay đổi diện tích quỹ đất này có ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống của người dân nông thôn trong xã.

d. Chất thải rắn

Đối với chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý nhưng phương thức xử lý bằng phơi đốt, chôn lấp chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Về kinh tế

a. Trồng trọt

* Vụ Đông Xuân:

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng 219,6 ha so với kế hoạch giao 220,74 ha, đạt 99,66%; năng suất trung bình 45,067 tạ/ha so với kế hoạch giao 44,57 tạ/ha đạt 101,12% kế hoạch giao; sản lượng 990,2 tấn so với kế hoạch giao 991,69 tấn, đạt 99,85%.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng 18 ha so với 17,69 ha kế hoạch giao, đạt 101,75%; năng suất 27 tạ/ha so với kế hoạch giao 27,2 tạ/ha đạt 99,26%; sản lượng 48,57 tấn so với 48,12 tấn, kế hoạch giao đạt 100,94%.

- Rau các loại: Diện tích gieo trồng 24,8 ha so với 25,6 ha kế hoạch giao, đạt 96,88%; năng suất 60,6 tạ/ha so với kế hoạch giao 61,2 tạ/ha đạt 99,02%; sản lượng 150,2 tấn so với 150,77 tấn, kế hoạch giao đạt 99,62%.

- Đậu các loại: Diện tích gieo trồng 10,8 ha so với 12,69 ha kế hoạch giao, đạt 85,11%; năng suất 6,97 tạ/ha so với kế hoạch giao 7,2 tạ/ha đạt 96,75%; sản lượng 7,5 tấn so với 8,424 tấn, kế hoạch giao đạt 89,39%.

- Cây mè: Diện tích xuống giống 300,6 ha, năng suất bình quân 150,20 tạ/ha sản lượng đạt 1.804,74 tấn, đạt 40% so với kế hoạch (hiện nay giá mè thấp nên người dân chưa thu hoạch nên dẫn đến sản lượng thu hoạch vụ Đông Xuân không đạt).

* Vụ Hè Thu:

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng 219,64 ha. Hiện cây lúa sinh trưởng tốt, chưa phát hiện dịch bệnh, gần hết các cánh đồng đảm bảo nước tưới.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng 18,5 ha.

- Rau các loại: Diện tích gieo trồng 24,8 ha.

- Đậu các loại: Diện tích gieo trồng 12 ha.

- Cây mè: Diện tích 300,6 ha, năng suất bình quân 150,20 tạ/ha sản lượng dự kiến đến cuối năm đạt 2707,10 tấn, đạt 100% so với kế hoạch giao.

b. Chăn nuôi

- Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã như sau: 5.554 con, trong đó: Đàn trâu 560 con; Đàn bò 2.383 con; Đàn dê 407 con; Đàn heo 2.204 con; Tổng đàn gia cầm hơn 8000 con. Nhìn chung tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã ổn định, chất lượng giống vật nuôi ngày càng được cải thiện; đàn gia súc có xu hướng tăng, do các địa phương được hỗ trợ con giống từ các Chương mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên trong tháng 7/2025 phát sinh dịch tả lợn Châu phi đã tiêu hủy 72 con, hiện Trung tâm cung ứng dịch vụ công đang theo dõi, có khả năng dịch sẽ tiếp tục bùng phát, dịch bệnh trên đàn vật nuôi vẫn còn nhiều tiềm ẩn và có nguy cơ bùng phát, gây tâm lý lo ngại cho người chăn nuôi do ảnh hưởng của

dịch bệnh tả lợn Châu phi, dịch bệnh Lở mồm long móng (LMLM), Viêm da nổi cục...; Môi trường chăn nuôi chưa được xử lý triệt để; vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ, ảnh hưởng đến người tiêu dùng; sản xuất chưa gắn với giết mổ và thị trường tiêu thụ sản phẩm, chưa thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi.

c. Về thủy lợi

Tiến hành kiểm tra công trình thủy lợi, đập bồi, vận động nhân dân nạo vét kênh mương nội đồng, khai thông các cống rãnh và bảo vệ rừng đầu nguồn đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất, đồng thời triển khai các biện pháp chống hạn và xây dựng kế hoạch chống hạn cho vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2024 - 2025 trên địa bàn huyện.

d. Về công tác khuyến nông

Tập trung kiểm tra và hướng dẫn bà con nông dân chăm sóc tốt các mô hình khuyến nông đang thực hiện; phối hợp với các địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đã được chuyển giao vào thực tiễn sản xuất nông hộ.

e. Về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục xây dựng Kế hoạch thực hiện năm 2025, lồng ghép các nguồn vốn, tập trung đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản, vận động Nhân dân cùng chung tay góp sức xây dựng nông thôn mới. Hiện trạng nông thôn mới đến nay, bình quân/xã: 11,33 tiêu chí.

f. Về lâm nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống cháy rừng, phá rừng làm nương rẫy trái phép; vận động nhân dân chăm sóc rừng đã trồng các năm trước. Tiếp tục theo dõi diễn biến rừng, thực hiện kế hoạch trồng và bảo vệ rừng theo kế hoạch.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật Lâm nghiệp sâu rộng trong nhân dân về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và PCCCR.

g. Tài nguyên môi trường

Tổ chức “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Ất Tỵ - năm 2025 trên địa bàn huyện, gắn liền với tuyên truyền cho nhân dân, học sinh, cán bộ, công chức, viên chức tầm quan trọng của cây xanh đối với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường sinh thái.

Thường xuyên kiểm tra tình hình khai thác khoáng sản cát, sạn làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn xã.

Trong quý, không phát sinh đơn thư, kiến nghị trên lĩnh vực đất đai.

h. Công nghiệp, xây dựng, giao thông, thương mại

Phối hợp với Điện lực Quảng Ngãi kiểm tra an toàn lưới điện, đảm bảo phục vụ điện an toàn, tiết kiệm; xây dựng kế hoạch sửa chữa các tuyến đường điện cao áp.

Phối hợp với Đội Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra chống hàng giả, hàng lậu và bình ổn giá cả thị trường trong dịp tết.

Triển khai phát quang, nạo vét rãnh thoát nước, sửa chữa nhỏ một số tuyến đường xuống cấp và sạt lở do thiên tai, đảm bảo cho nhu cầu đi lại của nhân dân và đảm bảo vận chuyển hàng hóa thông suốt trong dịp tết Nguyên đán. Quản lý giao thông đường thủy (lòng hồ Thủy điện Đăkdrinh).

Tăng cường thực hiện Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế TNGT và ùn tắc giao thông; Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 19/9/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/04/2010 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

1.2.2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a. Giáo dục – Đào tạo

- Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo tổ chức thi học Học kỳ II năm học 2024 - 2025 và tổng kết năm học 2024 - 2025 ở các cấp học và thực hiện công tác chuyên môn thường xuyên của ngành.

- Trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng có 06 đơn vị trường trực .

- Tổng kết năm học 2024 -2025 ở các cấp học và triển khai các hoạt động trong dịp nghỉ hè năm 2024. Tổ chức tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026. Tổ chức tốt công tác thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025 tại Hội đồng coi thi Trường THPT Đình Tiên Hoàng..

b. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Thực hiện kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, kiểm soát việc buôn bán hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng đảm bảo cho Nhân dân mua sắm và đón Tết được an toàn.

- Tăng cường theo dõi, chỉ đạo và hướng dẫn Nhân dân phòng, chống dịch bệnh, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết, đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán.

- Tổ chức Hội nghị Kỷ niệm 69 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 - 27/02/2024) và tổng kết công tác Y tế năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026 trên địa bàn xã; đồng thời tổ chức các đoàn thăm, động viên, chúc mừng các Trạm Y tế xã nhân ngày Thầy thuốc Việt Nam.

c. Lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

- Tham gia cùng Đoàn công tác của tỉnh, thăm tặng quà 01 gia đình Người có công với cách mạng tiêu biểu trên địa bàn xã. Đảng ủy - HĐND - UBND TQVN - UBND xã thăm, tặng quà cho 10 hộ gia đình người có công tiêu biểu và 01 gia đình Bà mẹ Việt Nam Anh hùng nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025; trị giá mỗi suất quà 500.000 đồng, bằng tiền mặt. Tổng số tiền: 5.500.000 đồng.

- Trợ cấp hàng tháng cho người có công và đối tượng Bảo trợ xã hội. Triển khai thực hiện quà Tết của Chủ tịch nước, Chủ tịch tỉnh cho đối tượng người có công, thân nhân Liệt sĩ, hưu trí viên chức, mất sức lao động, quân đội và Thanh niên xung phong. Quà cho hộ nghèo từ nhiều nguồn hỗ trợ.

Kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cuối năm 2024; rà soát hộ nghèo, cận nghèo thường xuyên và xác định hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, xã Sơn Tây Thượng tổng số hộ dân cư trên địa bàn: 1.739 hộ; 7.162 nhân khẩu. Trong đó: có 397 hộ nghèo, tỷ lệ 22,83%; có 111 hộ cận nghèo, tỷ lệ 6,38%.

Phối hợp với trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam thực hiện đợt tư vấn tuyển lao động đi làm việc tại Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam từ ngày 09/3/2024 đến ngày 16/3/2024 tại các xã trên địa bàn huyện.

d. Công tác dân tộc, miền núi

Tiếp tục hướng dẫn các xã rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2025; Tổ chức Hội nghị gặp mặt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty - năm 2025.

Chỉ đạo công tác cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn - năm 2024 theo Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Tây, tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được thụ hưởng 1.604 hộ/1.739 khẩu và tổng kinh phí thực hiện là 241.036.760 đồng.

e. Hoạt động văn hóa thông tin và truyền thanh

Chỉ đạo triển khai kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ mừng Đảng - mừng Xuân Ất Ty - năm 2025. Tổ chức xây dựng các chương trình thời sự phát thanh, truyền tải những hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của huyện, những sự kiện đáng chú ý trên địa bàn huyện.

Thực hiện tốt các hoạt động văn hoá, thông tin, thể thao, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho Nhân dân. Tập trung tuyên truyền thực hiện những chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, những thành tựu kinh tế - xã hội nổi bật của đất nước, của tỉnh, của xã, cũng như những tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong năm 2025; dự báo, định hướng tình hình kinh tế - xã hội năm 2024; đồng thời xây dựng các chương trình chuyên đề, văn nghệ tổng hợp phục vụ nhu cầu văn hóa - xã hội của người dân; tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn

của đất nước, của tỉnh và Tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập huyện (06/8/1994 -06/8/2024) và 65 năm Ngày giải phóng huyện Sơn Tây (05/9/1959 - 05/9/2024).

Thăm, gặp mặt các cơ quan báo chí, người làm báo nhân Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6)...

f. Về an ninh, quốc phòng, an toàn xã hội

Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thực hiện quyết liệt các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi sử dụng thuốc nổ trái phép, không để xảy ra đốt pháo trên địa bàn xã trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty - năm 2025.

2. Tình hình tổ chức thực hiện, phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai, nguồn gốc số liệu thu thập tại cấp xã và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập

2.1. Tình hình tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính của UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND xã Sơn Tây Thượng đã tổ chức thực hiện những công việc như sau:

- Thu thập hồ sơ, tài liệu, dữ liệu ranh giới, địa giới đơn vị hành chính cấp xã mới theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và Đề án sắp xếp đơn vị hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, báo cáo hiện trạng sử dụng đất và báo cáo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp xã sau khi sắp xếp đơn vị hành chính báo cáo UBND tỉnh.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để thực hiện công tác kiểm kê đất đai nhằm đảm bảo tiến độ và thời gian quy định.

2.2. Phương pháp thực hiện, thu thập số liệu kiểm kê đất đai

- Thu thập hồ sơ, tài liệu kiểm kê đất đai năm 2024, gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, hệ thống biểu,... của cấp xã trước sắp xếp; tài liệu, bản đồ thể hiện địa giới của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

- Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện trên cơ sở tổng hợp, tiếp biên bản đồ kiểm kê đất đai đã được thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 theo đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp.

- Bản đồ kiểm kê đất đai (cấp xã) sau sắp xếp được lập trên cơ sở tổng hợp, tiếp biên từ bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã của các xã trước sắp xếp đã được thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024, gồm: Gộp, tiếp biên, chuẩn hóa với địa giới đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp; xử lý tiếp biên, khớp nối

các khoanh đất và đối tượng khác của bản đồ; chuẩn hóa phân lớp (level), màu và các yếu tố nội dung bản đồ (đánh lại số thứ tự khoanh đất; xử lý các khu vực chồng hở, chồng đè; chuẩn hóa mã loại đất, mã đối tượng sử dụng đất, mã đối tượng được nhà nước giao quản lý đất, diện tích,...).

- Chuẩn hóa, biên tập, hoàn thiện bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã sau sắp xếp theo quy định cho bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã, chuẩn bị nội dung phục vụ lập thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã theo yêu cầu trước khi đưa vào phần mềm TKKK2024 để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024.

- Chuyển bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã sau sắp xếp đã hoàn thành vào phần mềm TKKK2024 để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai theo quy định.

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của cấp xã được tổng hợp vào Biểu 01/TKKK, Biểu 02/TKKK, Biểu 04/TKKK và Biểu 05/TKKK theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của cấp xã được tổng hợp và giao nộp trên phần mềm TKKK2024 tại địa chỉ <https://tk.gdla.gov.vn>.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập trên cơ sở tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai của cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; lập thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, trong đó thuyết minh cụ thể tài liệu sử dụng để lập, đặc biệt là tài liệu về đường địa giới đơn vị hành chính.

2.3. Nguồn gốc số liệu thu thập và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập

Nguồn tài liệu thu thập phục vụ công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Sơn Tây Thượng, gồm các tài liệu sau:

- Bản đồ địa giới hành chính theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Bản đồ kiểm kê đất đai năm 2014, 2019, 2024 của các xã Sơn Mùa (cũ), Sơn Bua (cũ), Sơn Liên (cũ).

- Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn xã.

Các số liệu thu thập được đảm bảo độ tin cậy, có cơ sở pháp lý; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các tài liệu trước khi sử dụng đều được kiểm tra, đánh giá so với mục đích, yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo đủ điều kiện mới đưa vào thực hiện.

3. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai

Tổng diện tích tự nhiên trong địa giới hành chính năm 2024 được trình bày trong biểu 01/TKKK. Theo đó tổng diện tích tự nhiên của xã Sơn Tây Thượng (xã Sơn Mùa, Sơn Bua, Sơn Liên) trong kỳ kiểm kê năm 2024 là

12.240,49 ha. Tổng diện tích đất đai năm 2024 được trình bày trong biểu 01/TKKK.

Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất phân theo mục đích sử dụng đến 31/12/2024

Thứ tự	Loại đất	Mã đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng diện tích		12.240,49
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	11.586,74
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	794,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	229,87
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	229,87
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	
1,2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	564,64
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.556,43
3	Đất lâm nghiệp	LNP	8.235,59
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.521,26
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	3.714,33
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.241,29</i>
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,21
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	
6	Đất làm muối	LMU	
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	647,32
1	Đất ở	OTC	56,28
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	56,28
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,93
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	6,31
3.1	Đất quốc phòng	CQP	3,31
3.2	Đất an ninh	CAN	3,00
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	12,19
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,62
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,94
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	7,73
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,27
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,64

Thứ tự	Loại đất	Mã đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	365,58
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	126,40
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	2,49
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,07
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	4,46
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,02
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	231,95
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,03
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,16
7	Đất tôn giáo	TON	
8	Đất tín ngưỡng	TIN	
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	39,48
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	159,29
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	11,68
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	147,61
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,24
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	6,43
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	0,14
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0,70
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	5,58
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	

*** Về cơ cấu sử dụng đất**

Cơ cấu sử dụng đất được thể hiện trong biểu 04/TKKK; trong tổng số 12.240,49 ha diện tích đất tự nhiên có 11.586,74 ha được sử dụng vào mục đích nông nghiệp chiếm 94,66% tổng diện tích tự nhiên; 647,32 ha đất được sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp chiếm 5,29% tổng diện tích tự nhiên; 6,43 ha đất chưa sử dụng chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên.

3.1. Nhóm đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp được thể hiện chi tiết trong biểu 04/TKKK. Tổng diện tích đất nông nghiệp năm 2024 là 11.586,74 ha chiếm 94,66% diện tích tự nhiên. Đến 31/12/2024 quỹ đất nông nghiệp được sử dụng như sau:

Bảng 02: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp đến 31/12/2024

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	11.586,74	94,66
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	794,51	6,49
1.1	Đất trồng lúa	LUA	229,87	1,88
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	229,87	1,88
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	564,64	4,61
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.556,43	20,89
3	Đất lâm nghiệp	LNP	8.235,59	67,28
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.521,26	36,94
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	3.714,33	30,34
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	1.241,29	10,14
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,21	
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH		

- *Đất trồng cây hằng năm*: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 794,51 ha, chiếm 6,49% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất trồng lúa có diện tích 229,87 ha, chiếm 1,88% diện tích tự nhiên.

Đất chuyên trồng lúa có diện tích 229,87 ha, chiếm 1,88% diện tích tự nhiên.

+ Đất trồng cây hằng năm khác có diện tích 564,64 ha, chiếm 4,61% diện tích tự nhiên.

- *Đất trồng cây lâu năm*: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 2.556,43 ha, chiếm 20,89% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất lâm nghiệp*: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 8.235,59 ha, chiếm 67,28% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất rừng phòng hộ có diện tích 4.521,26 ha, chiếm 36,94% diện tích tự nhiên.

+ Đất rừng sản xuất có diện tích 3.714,33 ha, chiếm 30,34% diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên có diện tích 1.241,29 ha, chiếm 10,14% diện tích đất rừng sản xuất.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 0,21 ha.

3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp được thể hiện chi tiết trong biểu 04/TKKK. Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2024 là 647,32 ha chiếm 5,29% diện tích tự nhiên. Đến 31/12/2024 quỹ đất phi nông nghiệp được sử dụng như sau:

Bảng 03: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp đến 31/12/2024

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	647,32	5,29
1	Đất ở	OTC	56,28	0,46
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	56,28	0,46
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT		
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,93	0,06
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	6,31	0,05
3.1	Đất quốc phòng	CQP	3,31	0,03
3.2	Đất an ninh	CAN	3,00	0,02
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	12,19	0,1
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,62	0,01
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,94	0,01
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	7,73	0,06
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,27	0,02
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,64	0,01
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông	CSK		

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	ng nghiệp			
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC		
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	365,58	2,99
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	126,40	1,03
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	2,49	0,02
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,07	
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	4,46	0,04
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,02	
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA		
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	231,95	1,89
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,03	
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH		
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,16	
7	Đất tôn giáo	TON		
8	Đất tín ngưỡng	TIN		
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	39,48	0,32
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	159,29	1,30
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	11,68	0,1
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	147,61	1,21
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,24	

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 56,28 ha chiếm 0,46% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 7,93 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất quốc phòng: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 3,31 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất an ninh: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 3,0 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 12,19 ha, chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích là 0,62 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích là 0,94 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích là 7,73 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Diện tích là 2,27 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích là 0,64 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích 365,58 ha, chiếm 2,99% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất công trình giao thông: Diện tích 126,40 ha.

+ Đất công trình thủy lợi: Diện tích 2,49 ha.

+ Đất công trình cấp nước, thoát nước: Diện tích 0,07 ha.

+ Đất công trình phòng, chống thiên tai: Diện tích 4,46 ha.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Diện tích 0,02 ha.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Diện tích 231,95 ha.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Diện tích 0,03 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích 0,16 ha.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Diện tích 39,48 ha, chiếm 0,32% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích 159,29 ha, chiếm 1,30% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Diện tích 11,68 ha, chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích 147,61 ha, chiếm 1,21% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích 0,24 ha.

3.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng được thể hiện chi tiết trong biểu 04/TKKK. Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2024 là 6,43 ha chiếm 0,05% diện tích tự nhiên. Đến 31/12/2024 quỹ đất chưa sử dụng được phân bố như sau:

- Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 0,14 ha.

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 0,7 ha.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: Diện tích kiểm kê đến 31/12/2024 là 5,58 ha.

4. Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất

4.1 Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất

- Đối với cá nhân trong nước:

+ Diện tích đất nông nghiệp: 6.085,04 ha, chiếm 52,52% so với diện tích đất nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 56,28 ha, chiếm 8,70% so với diện tích đất phi nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

- **Đối với cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân:** Diện tích đất phi nông nghiệp là 17,29 ha, chiếm 2,67% so với diện tích đất phi nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Diện tích đất nông nghiệp: 4.521,29 ha, chiếm 39,02% so với diện tích đất nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 9,31 ha, chiếm 1,44% so với diện tích đất phi nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

- **Đối với tổ chức kinh tế:** Diện tích đất phi nông nghiệp là 231,98 ha, chiếm 35,84% so với diện tích đất phi nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

- **Đối với cộng đồng dân cư:** Diện tích đất nông nghiệp là 740,06 ha, chiếm 6,39% so với diện tích đất nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

4.2. Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng được giao quản lý đất

- Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân:

+ Diện tích đất nông nghiệp: 240,35 ha, chiếm 2,07% so với diện tích đất nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 332,46 ha, chiếm 51,36% so với diện tích đất phi nông nghiệp trong đơn vị hành chính.

+ Diện tích đất chưa sử dụng: 6,28 ha, chiếm 97,76% so với diện tích đất chưa sử dụng trong đơn vị hành chính.

- **Đơn vị sự nghiệp công lập:** Diện tích đất chưa sử dụng là 0,14 ha, chiếm 2,24% so với diện tích đất chưa sử dụng trong đơn vị hành chính.

5. Phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất của năm kiểm kê đất đai với số liệu của 2 kỳ kiểm kê đất đai gần nhất

5.1. Tình hình biến động và nguyên nhân biến động

*** Tổng diện tích tự nhiên:**

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 12.229,21 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 12.242,84 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 12.240,49 ha.

Như vậy tổng diện tích tự nhiên đến ngày 31/12/2024 tăng 13,63 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014 và giảm 2,35 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại sau khi sắp xếp theo địa giới hành chính đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Nội vụ đã thống nhất.

5.1.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 11.482,12 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 11.643,65 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 11.586,74 ha.

Như vậy diện tích đất nông nghiệp đến ngày 31/12/2024 tăng 104,62 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014 và giảm 56,91 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Cụ thể qua các loại đất sau:

a. Đất trồng lúa

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 289,72 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 223,16 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 229,87 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 59,85 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 6,71 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực giảm 0,2 ha do chuyển sang đất công trình giao thông (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 2,75 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*; thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) và tăng khác 9,66 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn xã Sơn Bua (cũ).

b. Đất trồng cây hằng năm khác

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 435,82 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 450,98 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 564,64 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 128,82 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 113,67 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực giảm 0,01 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (*thực hiện công trình Trường THCS Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 1056/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,02 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (*thực hiện công trình Sân vận động xã Sơn Liên theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 794/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,7 ha do chuyển sang đất công trình giao thông (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,02 ha do chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (*xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với Di tích lịch sử Địa điểm Mang Blóoc – Nơi tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 6,38 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 233/QĐ-UBND ngày 18/3/2022, số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 và số 726/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Thủy điện Nam Vao 2; hạng mục: Đường dây đầu nối 110kV Đăk Nén - Đăkđrinh vào lưới điện quốc gia theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 104/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi); thực giảm 0,14 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê (*thu hồi đất đối với Công ty cổ phần Thủy điện Đăkđrinh tại huyện Sơn Tây do chấm dứt việc sử dụng đất theo Quyết định thu hồi đất số 591/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và tăng khác 120,93 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất tại xã Sơn Bua (cũ) và xã Sơn Liên (cũ); do kiểm kê hiện trạng rừng theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về công bố hiện trạng rừng năm 2024.

c. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 1.487,72 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 2.945,76 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 2.556,43 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 1.068,71 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 389,33 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: giảm 2,56 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,16 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,16 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,24 ha (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); giảm 0,27 ha do chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan (*thực hiện công trình Xây dựng trụ sở Kho bạc Nhà nước Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 313/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); giảm 5,94 ha do chuyển sang đất công trình giao thông (*thực hiện công trình Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 514/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); giảm 1,14 ha do chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt (*thực hiện công trình Xây dựng mới nghĩa trang nhân dân xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 248/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); giảm 22,95 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 233/QĐ-UBND ngày 18/3/2022, số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 và số 726/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Thủy điện Nam Vao 2, hạng mục: Đường dây đầu nối 110kV Đăk Nền – Đăkđrinh vào lưới điện quốc gia theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 104/QĐ-UBND ngày 24/01/2024*) và giảm khác 356,46 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất, do kiểm kê kiểm kê hiện trạng rừng theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về công bố hiện trạng rừng năm 2024 do điều chỉnh địa giới hành chính sau sắp xếp.

d. Đất rừng phòng hộ

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 4.786,25 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 4.521,93 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 4.521,26 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 264,99 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,66 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Giảm 0,66 ha do kiểm kê lại hiện trạng rừng theo Quyết định số 152/QĐ-

UBND ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về công bố hiện trạng rừng năm 2024.

e. Đất rừng sản xuất

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 4.482,22 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 3.501,52 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 3.714,33 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 767,90 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 212,80 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực giảm 0,03 ha do chuyển sang đất công trình giao thông (thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi); thực giảm 8,77 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 và số 1362/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 và số 726/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Thủy điện Nam Vao 2, hạng mục: Đường dây đầu nối 110kV Đăk Nền – Đăkđrinh vào lưới điện quốc gia theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 104/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) và tăng khác 221,6 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất, do kiểm kê lại hiện trạng rừng theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về công bố hiện trạng rừng năm 2024.

f. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0,39 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,31 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,21 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,18 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,1 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại hiện trạng ao nuôi cá gần nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mang He, xã Sơn Bua (cũ) (đã san lấp mặt bằng ao cá kiểm kê lại loại đất là đất trồng cây hàng năm khác).

5.1.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 511,25 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 592,0 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 647,32 ha.

+ Như vậy, diện tích đất phi nông nghiệp đến ngày 31/12/2024 tăng 136,07 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014 và tăng 55,32 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Cụ thể qua các loại đất sau:

a. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích ngày 31/12/2014 là 44,25 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 50,80 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 56,28 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 12,03 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 5,48 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực giảm 0,07 ha do chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan (*thực hiện công trình Xây dựng trụ sở Kho bạc Nhà nước Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 313/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,01 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (*thực hiện công trình Trường THCS Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 1056/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,02 ha do chuyển sang đất công trình giao thông (*thực hiện công trình Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 514/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,02 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa, hạng mục: Nhà máy thủy điện theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 233/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực tăng 2,2 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 2,16 ha; đất công trình giao thông 0,01 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,03 ha chuyển sang đất ở tại nông thôn (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và tăng khác 3,41 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất ở xen kẽ trên địa bàn xã.

b. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 4,85 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 8,85 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 7,93 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 3,08 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,92 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực tăng 0,34 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,27 ha; đất ở

tại nông thôn 0,07 ha chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan (thực hiện công trình Xây dựng trụ sở Kho bạc Nhà nước Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 313/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi); thực giảm 0,06 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa; hạng mục: Kênh xả nhà máy theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) và giảm khác 1,2 ha do kiểm kê hiện trạng kê chống sạt lở trung tâm hành chính huyện (cũ) sang đất công trình phòng, chống thiên tai.

c. Đất quốc phòng

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 4,85 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 3,31 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 3,31 ha.

+ Như vậy, diện tích đất quốc phòng đến ngày 31/12/2024 giảm 1,54 so với kỳ kiểm kê năm 2014 và không thay đổi so với kỳ kiểm kê năm 2019.

d. Đất an ninh

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 3,0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 3,0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 3,0 ha.

+ Như vậy, diện tích đất an ninh đến ngày 31/12/2024 không thay đổi so với kỳ kiểm kê năm 2014 và không thay đổi so với kỳ kiểm kê năm 2019.

e. Đất xây dựng cơ sở văn hóa

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0,48 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,68 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,62 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,14 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,06 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất các nhà văn hóa trên địa bàn xã theo hồ sơ đo đạc hiện trạng để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

f. Đất xây dựng cơ sở y tế

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0,55 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,95 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,94 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,39 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,01 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất trạm y tế trên địa bàn xã theo hồ sơ đo đạc lại hiện trạng trạm y tế xã để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

g. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 4,57 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 7,32 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 7,73 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 3,16 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,41 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực tăng 0,02 ha do lấy từ đất trồng cây hằng năm khác 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (*thực hiện công trình Trường THCS Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 1056/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và tăng khác 0,39 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất trường THCS Sơn Bua.

h. Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0,81 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 2,36 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 2,27 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 1,46 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,1 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực tăng 0,12 ha do lấy từ đất trồng cây hằng năm khác 0,02 ha; đất công trình giao thông 0,1 ha chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (*thực hiện công trình Sân vận động xã Sơn Liên theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 794/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và giảm khác 0,22 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất sân thể thao tại Làng thanh niên lập nghiệp (xã Sơn Bua cũ).

i. Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0,58 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,64 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,64 ha.

+ Như vậy, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác đến ngày 31/12/2024 tăng 0,06 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014 và không thay đổi so với kỳ kiểm kê năm 2019.

j. Đất công trình giao thông

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 69,86 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 121,41 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 126,40 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 56,54 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 4,99 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực tăng 7,17 ha do lấy từ đất trồng lúa 0,2 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,7 ha; đất trồng cây lâu năm 5,94 ha; đất rừng sản xuất 0,03 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,03 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,25 ha chuyển sang đất công trình giao thông (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Đường đô thị 02 (Quảng Trường – ĐT.05) theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất số 166/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 514/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,01 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 0,1 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (*thực hiện công trình Sân vận động xã Sơn Liên theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 794/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực giảm 1,67 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 và số 726/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và giảm khác 0,4 ha do kiểm kê đường Trường Sơn Đông (xã Sơn Bua cũ) theo ranh giới đền bù giải phóng mặt bằng.

k. Đất công trình thủy lợi

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 3,09 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 2,51 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 2,49 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,6 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,01 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại loại đất công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt của huyện Sơn Tây (cũ) theo Luật Đất đai năm 2024 là loại đất công trình cấp, thoát nước.

l. Đất công trình cấp nước, thoát nước

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,07 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,07 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,07 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê loại đất theo Luật Đất đai năm 2024 được chuyển sang từ đất công trình thủy lợi.

m. Đất công trình phòng, chống thiên tai

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 4,46 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 4,46 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 4,46 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê hiện trạng kè chống sạt lở trung tâm huyện và kiểm kê lại loại đất công trình kè chống sạt lở trung tâm hành chính huyện theo Luật Đất đai năm 2024 được chuyển sang từ đất trụ sở cơ quan.

n. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,02 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,02 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,02 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (*xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với Di tích lịch sử Địa điểm Mang Blóoc – Nơi tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

o. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 165,52 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 173,03 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 231,95 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 66,43 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 58,92 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: tăng 2,75 ha do lấy từ đất trồng lúa; tăng 6,38 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác; tăng 22,95 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm; tăng 8,77 ha do lấy từ đất rừng sản xuất; tăng 0,02 ha do lấy từ đất ở tại nông thôn; tăng 0,06 ha do lấy từ đất xây dựng trụ sở cơ quan; tăng 1,67 ha do lấy từ đất công trình giao thông; tăng 15,59 ha do lấy từ đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối; tăng 0,29 do lấy từ đất đồi núi chưa sử dụng chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; số 1362/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và thực hiện công trình Thủy điện ĐăkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023; số 233/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Thủy điện Nam Vao 2, hạng mục: Đường dây đấu nối 110kV Đăk Nền – Đăkđrinh vào lưới điện quốc gia theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 104/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và tăng khác 0,43 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất các trụ điện trên địa bàn xã Sơn Bua (cũ) và Sơn Liên (cũ) và do điều chỉnh địa giới hành chính sau sắp xếp.

p. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0,04 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,04 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,03 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,01 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,01 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất bưu điện xã Sơn Mùa (cũ).

q. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,16 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,16 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,16 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Tăng 0,16 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

r. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 36,79 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 37,83 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 39,48 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 2,70 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 1,65 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực giảm 0,03 ha do chuyển sang đất công trình giao thông (*thực hiện công trình Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 514/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); thực tăng 1,14 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt (*thực hiện công trình Xây dựng mới nghĩa trang nhân dân xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 248/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và tăng khác 0,53 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất nghĩa địa Tang Tong.

s. Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 11,60 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 11,68 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 11,68 ha.

+ Như vậy, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá đến ngày 31/12/2024 tăng 0,08 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014 và không thay đổi so với kỳ kiểm kê năm 2019.

t. Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 160,42 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 167,14 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 147,61 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 12,81 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 19,53 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: giảm 0,28 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,03 ha; chuyển sang đất công trình giao thông 0,25 ha (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); giảm 15,59 ha do chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện Thượng Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 379/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 và số 726/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện công trình Đường điện 0,4kV xóm ông Lập Khu dân cư số 4 theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 285/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của*

UBND tỉnh Quảng Ngãi) và giảm khác 3,66 ha do kiểm kê lại hiện trạng theo bản đồ dùng để quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng tại xã Sơn Bua (cũ) và do điều chỉnh địa giới hành chính sau sắp xếp.

u. Đất phi nông nghiệp khác

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,43 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,24 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,24 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,19 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Trong đó: thực tăng 0,24 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp khác (*thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và giảm khác 0,43 ha do kiểm kê lại loại đất trụ sở Làng thanh niên Lập nghiệp xã Sơn Bua (cũ).

5.1.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 235,84 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 7,18 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 6,43 ha.

- Như vậy, diện tích đất chưa sử dụng đến ngày 31/12/2024 giảm 229,41 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014 và giảm 0,75 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Cụ thể như sau:

a. Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê

- Diện tích đến ngày 31/12/2014 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,14 ha.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,14 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Diện tích đến ngày 31/12/2024 tăng 0,14 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019. Tăng 0,14 ha do lấy từ đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê (*thu hồi đất đối với Công ty cổ phần Thủy điện Đăkđrinh tại huyện Sơn Tây do chấm dứt việc sử dụng đất theo Quyết định thu hồi đất số 591/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

b. Đất bằng chưa sử dụng

- Diện tích ngày 31/12/2014 là 3,69 ha.

- Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 0,97 ha.
- Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 0,71 ha.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 2,98 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.
- + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,26 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019 do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất theo bản đồ dùng để quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng tại xã Sơn Bua (cũ).

c. Đất đồi núi chưa sử dụng

- Diện tích ngày 31/12/2014 là 232,15 ha.
 - Diện tích đến ngày 31/12/2019 là 6,22 ha.
 - Diện tích đến ngày 31/12/2024 là 5,58 ha.
 - + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 226,57 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.
 - + Diện tích đến ngày 31/12/2024 giảm 0,64 ha so với kỳ kiểm kê năm 2019
- Trong đó: giảm 0,29 ha sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*thực hiện công trình Thủy điện ĐắkBa theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 677/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 và số 726/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*) và giảm khác 0,35 ha do kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất theo bản đồ dùng để quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng tại xã Sơn Bua (cũ).

5.2. Đánh giá chung về tình hình biến động đất đai

Nhìn chung việc sử dụng đất trong giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng đã đạt được những thành quả nhất định. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng triệt để quỹ đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển chỉnh trang khu dân cư nông thôn phù hợp với quan điểm phát triển chung của huyện.

- Tình hình sử dụng đất nông nghiệp có xu hướng giảm nhẹ qua các năm, mức giảm không lớn nhưng phản ánh sự thu hẹp dần của quỹ đất nông nghiệp do quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho phát triển hạ tầng, dân cư và các mục đích phi nông nghiệp khác.

- Diện tích đất phi nông nghiệp thực tế luôn có xu hướng tăng và chủ yếu tăng vào các mục đích xây dựng hạ tầng kỹ thuật (giao thông, công trình năng lượng chiếu sáng công cộng...), hạ tầng xã hội.

- Đất chưa sử dụng đã đưa vào khai thác sử dụng mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể, không những thế còn tạo cảnh quan, môi trường khang trang hơn, sạch đẹp hơn và chống xói lở mất đất đạt hiệu quả.

6. Đánh giá tình hình chưa thống nhất về đường địa giới đơn vị hành chính thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai (nếu có)

Hiện nay địa giới hành chính của xã Sơn Tây Thượng ổn định, không có tranh chấp với các xã giáp ranh.

7. Đề xuất, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất

7.1. Đề xuất

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai và các Nghị Định, Chỉ thị, Quyết định ... của Chính phủ và các Bộ, Ngành, của Tỉnh có liên quan đến việc sử dụng đất để mọi người dân biết và thực hiện.

- Áp dụng các chính sách pháp luật đất đai vào thực tế một cách sâu rộng, thể hiện trong các quyết định và các văn bản của địa phương áp dụng trong quá trình đăng ký, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

- Cập nhật thường xuyên những thay đổi trong quá trình sử dụng đất vào hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính để công tác quản lý được dễ dàng, khoa học hơn.

- Giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục – đào tạo, y tế, thể dục – thể thao; chủ động phối hợp với các cơ sở, doanh nghiệp đào tạo nghề nghiệp, chuyển đổi nghề đối với người có đất bị thu hồi.

- Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu về đất, cung cấp các thông tin về đất đai trên mạng, tăng khả năng tiếp cận thông tin về đất, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho tổ chức, công dân liên quan đến đất đai.

7.2. Kiến nghị

Trong thời gian tới cần có sự quan tâm hơn nữa của các cấp, các ngành, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Nâng cao chất lượng cán bộ trong công tác quản lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động sử dụng đất để trong thời gian tới nhằm đưa dần hệ thống quỹ đất của xã vào hệ thống quy hoạch chung của tỉnh Quảng Ngãi.

Thường xuyên kiểm tra rà soát quỹ đất trên địa bàn để tránh lấn chiếm kịp thời đề xuất các phương án sử dụng đất có hiệu quả hơn. Đối với quỹ đất đang cho thuê cần tăng cường kiểm tra việc sử dụng đất đúng mục đích.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai: việc kiểm tra, thanh tra phải được tiến hành thường xuyên, đột xuất. Chỉ có như vậy mới giúp các đối tượng sử dụng đất chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về đất đai. Đối với các trường hợp vi phạm cần phải kiên quyết xử lý kịp thời để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo hỗ trợ về mặt kỹ thuật của ngành Nông nghiệp và Môi trường cho các xã trên địa bàn; Chính lý kịp thời những biến động hàng năm theo từng điểm quy

hoạch chi tiết cũng như các quy hoạch ngành, làm cơ sở cho công tác thống kê, kiểm kê hàng năm đạt hiệu quả, phản ánh chính xác các chỉ tiêu sử dụng đất.

8. Kết luận

Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của xã Sơn Tây Thượng được xây dựng theo quy định của Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nội dung và trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 23/2025/TT-BTNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và Văn bản hợp nhất số 37/VBHN-BNNMT ngày 11/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

III. Kết quả sản phẩm kiểm kê đất đai 2024 được nghiệm thu và giao nộp:

STT	Thành phần hồ sơ	Số lượng
1	Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp xã, bao gồm:	01 bộ số và 02 bộ giấy
-	<i>Biểu 01/TKKK: Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai</i>	
-	<i>Biểu 02/TKKK: Thống kê, kiểm kê đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất</i>	
-	<i>Biểu 04/TKKK: Cơ cấu, diện tích theo loại đất, đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý</i>	
-	<i>Biểu 05/TKKK: Chu chuyển diện tích của các loại đất</i>	
2	Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cấp xã	01 bộ số và 02 bộ giấy
3	Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã	01 bộ số và 02 bộ giấy
4	Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã	01 bộ số và 02 bộ giấy
5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã	01 bộ số định dạng *.dgn và 02 bộ giấy

STT	Thành phần hồ sơ	Số lượng
6	Bản đồ kiểm kê đất đai năm 2024	01 bộ số định dạng *.dgn
7	Danh sách các khoanh đất trong năm 2024 (phụ lục 03)	01 bộ số
8	Bộ dữ liệu kết quả kiểm kê đất đai 2024 tổng hợp từ phần mềm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	01 bộ số định dạng *.db; *.vdf

UBND xã Sơn Tây Thượng đã hoàn thành công tác Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng theo đề cương nhiệm vụ và dự toán đã được phê duyệt và đúng theo quy trình, quy định của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường ban hành. Sản phẩm Kiểm kê đất đai xã Sơn Tây Thượng đã nộp trên hệ thống tại địa chỉ <http://tk.gdla.gov.vn> và giao nộp về Sở Nông Nghiệp và Môi trường (Thông qua Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh)

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của xã Sơn Tây Thượng. Kính báo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Hồng Khuyến